

Số: 818 /2005/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 5 tháng 5 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Về việc quy định mức phụ cấp đối với các chức danh cán bộ
không chuyên trách cấp xã và cán bộ thôn, bản, khu phố

*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;
- Căn cứ Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn; Thông tư Liên tịch số 34/2004/TTLT - BNV- BTC - BLĐTĐ&XH, ngày 14/5/2004 hướng dẫn việc thực hiện Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn;
- Căn cứ Nghị quyết số 4.1/2005/NQ-HĐ ngày 22/4/2005 của HĐND tỉnh Khóa V, Kỳ họp thứ tư;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Quy định mức phụ cấp đối với các chức danh cán bộ không chuyên trách cấp xã và cán bộ thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh như sau:

1) Mức 180.000đ/tháng đối với 6 chức danh sau:

- 1.1. Phó trưởng Công an;
- 1.2. Cán bộ Kế hoạch, giao thông, thủy lợi, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp;
- 1.3. Cán bộ Văn hoá - Thông tin - Thể thao (Bao gồm: Truyền thanh, Quản lý nhà văn hoá và Thể dục thể thao);
- 1.4. Cán bộ Dân số gia đình và trẻ em;
- 1.5. Chủ tịch Hội người cao tuổi;
- 1.6. Chủ tịch Hội chữ thập đỏ.

2) Mức 160.000đ/tháng đối với 11 chức danh sau:

- 2.1. Trưởng Ban Tổ chức;



- 2.2. Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra;
- 2.3. Trưởng Ban Tuyên giáo;
- 2.4. Văn phòng Đảng ủy;
- 2.5. Trưởng Khối dân vận.
- 2.6. Thủ quỹ- Văn thư - Lưu trữ;
- 2.7. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
- 2.8. Phó Bí thư đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;
- 2.9. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ;
- 2.10. Phó Chủ tịch Hội nông dân;
- 2.11. Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh.

Thực hiện chế độ kiêm nhiệm đối với 5 chức danh cán bộ Đảng, ở những nơi không bố trí kiêm nhiệm thì được bố trí tối đa không quá 03 cán bộ không chuyên trách.

Tùy theo tình hình cụ thể ở xã, phường, thị trấn để vận dụng bố trí kiêm nhiệm cho phù hợp.

3) Mức phụ cấp 140.000đ/tháng đối với 4 chức danh sau:

- 3.1. Bí thư Đảng ủy bộ phận;
- 3.2. Bí thư chi bộ thôn loại 1;
- 3.3. Trưởng thôn loại 1;
- 3.4. Công an viên thôn loại 1.

4) Mức 120.000đ/tháng cho 3 chức danh sau:

- 4.1. Bí thư chi bộ thôn loại 2;
- 4.2. Trưởng thôn loại 2;
- 4.3. Công an viên thôn loại 2.

5) Mức 100.000đ/tháng cho 5 chức danh sau:

- 5.1. Bí thư chi bộ thuộc Đảng ủy bộ phận;
- 5.2. Bí thư chi bộ thôn loại 3;
- 5.3. Trưởng thôn loại 3;
- 5.4. Công an viên thôn loại 3;
- 5.5. Công an viên của những thôn bố trí 02 công an viên trở lên.

6. Trường hợp kiêm nhiệm:

Trong trường hợp cán bộ không chuyên trách, công chức cấp xã hoặc các cán bộ không chuyên trách đảm nhận các chức danh trên được giao kiêm nhiệm thêm một chức danh nữa thì được hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm (không tính các chức danh đã bố trí cán bộ chuyên môn đảm nhận).

Điều 2: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã hướng dẫn, kiểm tra việc bố trí hợp lý các chức danh cán bộ không chuyên trách và việc chi trả phụ cấp đúng đối tượng quy định.

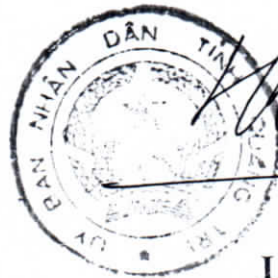
Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1/5/2005.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở: Nội vụ, Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM/UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
CHỦ TỊCH *B*

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Nội vụ
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp)
- TVTU, TT HĐND
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh
- Ban TCTU, Sở NV (5 bản)
- Báo Quảng Trị (để TB)
- Lưu VT, NC



Lê Hữu Phúc

CHI CỤC TRƯỞNG



Phan Thị Duyên

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI
NGUYÊN BẢN TRONG HỒ SƠ LƯU TRỮ
Tài liệu được sao từ:
Phòng: *UBND tỉnh Quảng Trị*
Mục lục số: *05* Hồ sơ số: *75* Tờ số: *25*
Số chứng thực: *144*
Ngày: *04* tháng *4* năm *2019*



